

Số: 76/2018/QĐST-HNGĐ

HT, ngày 13 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa:

Những người yêu cầu:

1. Anh Trịnh Ngọc L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 1, xã HV, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 1, xã HV, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/9/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/9/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Ngọc L và chị Lê Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Anh L và chị H thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là Trịnh Thị Ngọc A, sinh ngày 20/6/2015. Anh L và chị H thoả thuận, anh L

trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung:** Anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về lệ phí:** Anh L và chị H thỏa thuận, anh L chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000328 ngày 28/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT. Anh L đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Lê Văn Căn